

Ngày 30/09/2025	64,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	2.6%	8.9%

	Q3/25	
ROE	31.2%	+/- YoY ▲ 3.1%

	Q3/25		
DT thuần	4,930	QoQ ▲ 155 ▲ 3.2%	YoY ▲ 374 ▲ 8.2%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	14,287	YoY ▲ 1,487 ▲ 11.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	2,518	QoQ ▲ 110 ▲ 4.5%	YoY ▲ 352 ▲ 16.2%
	tỷ VNĐ		

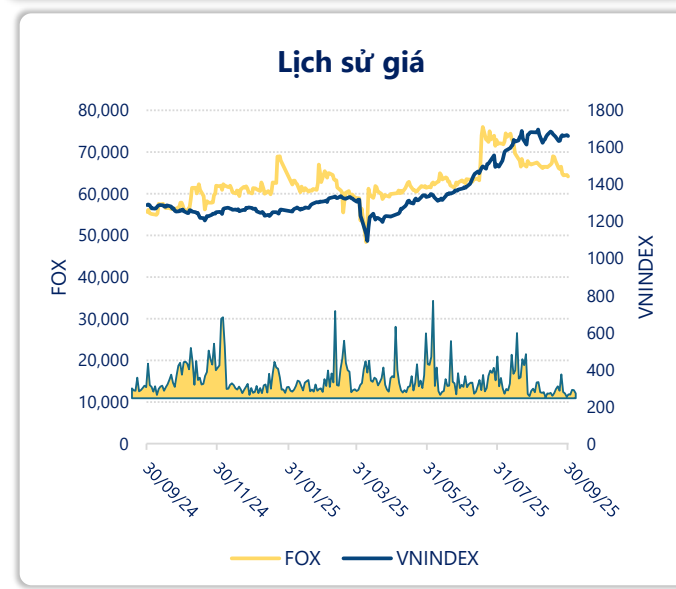
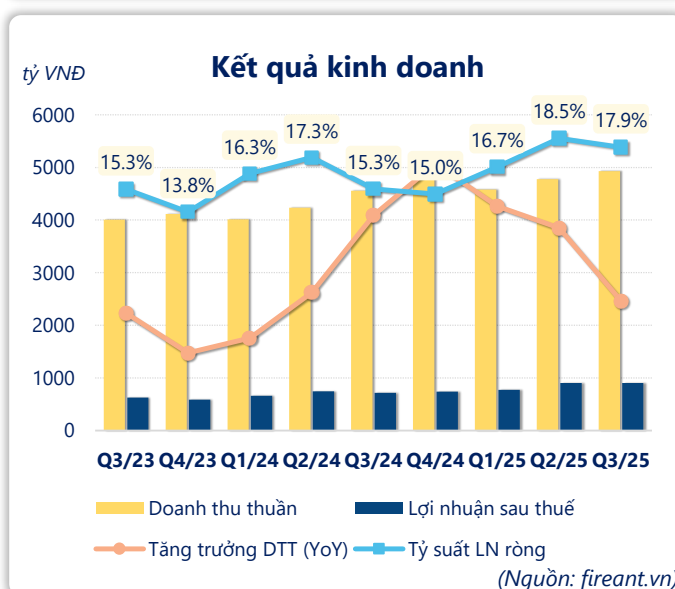
	9T 2025	
LN gộp	7,234	YoY ▲ 1,136 ▲ 18.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	1,134	QoQ ▲ 11.0 ▲ 0.9%	YoY ▲ 175 ▲ 18.2%
	tỷ VNĐ		

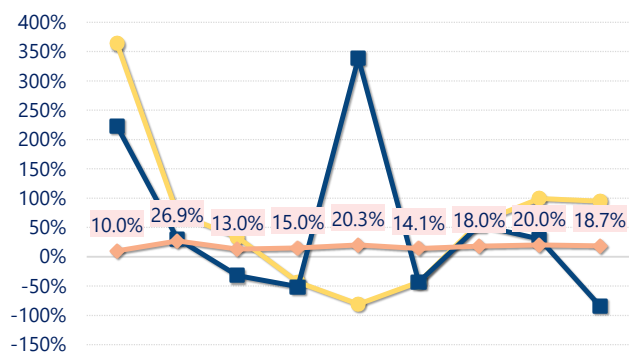
	9T 2025	
LN thuần	3,215	YoY ▲ 504 ▲ 18.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	905	QoQ ▲ 2.00 ▲ 0.2%	YoY ▲ 188 ▲ 26.2%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	2,581	YoY ▲ 457 ▲ 21.5%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

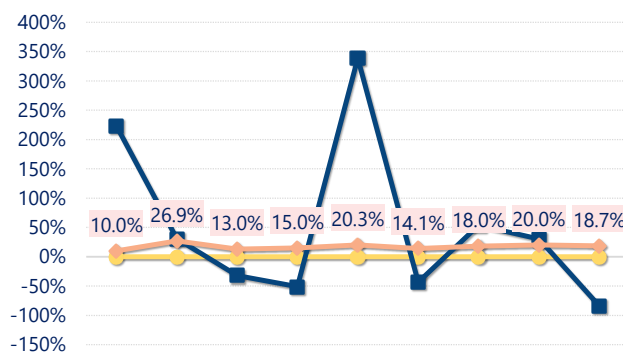


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

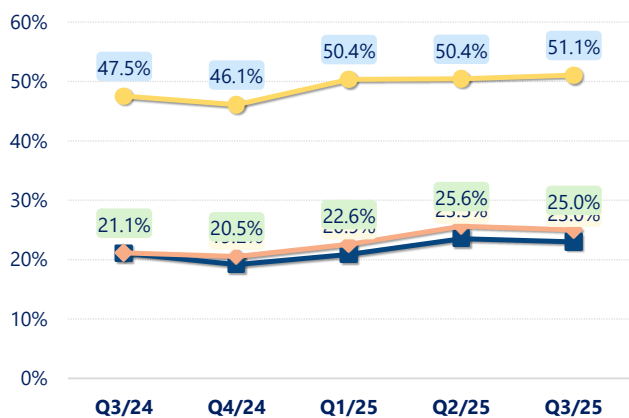


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

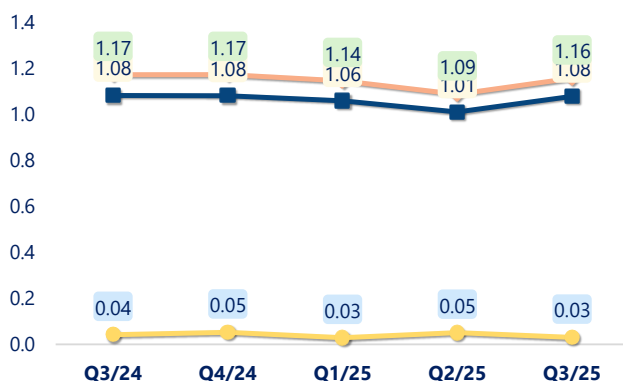


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

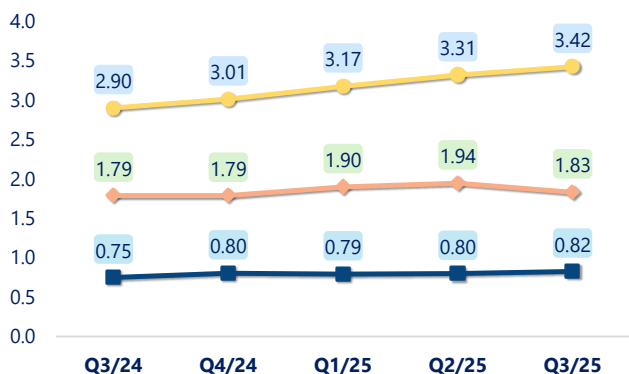


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

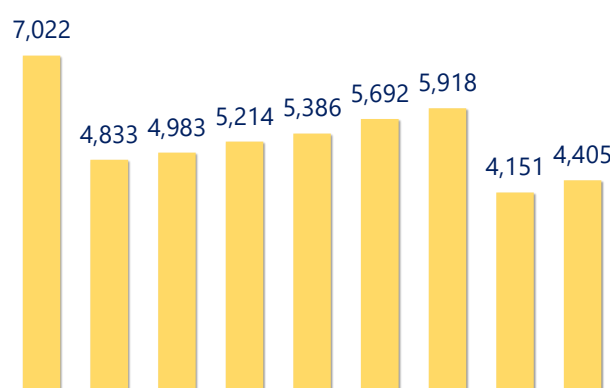


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4,930	4,556	8.2%	14,287	12,800	11.6%
Giá vốn hàng bán	2,412	2,390	0.9%	7,053	6,701	5.2%
Lợi nhuận gộp	2,518	2,166	16.2%	7,234	6,098	18.6%
Doanh thu HĐTC	201	125	61.0%	596	474	25.8%
Chi phí TC	107	63.4	68.5%	289	253	13.9%
Chi phí lãi vay	100	56.0	79.0%	263	229	15.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	912	714	27.7%	2,578	1,993	29.3%
Chi phí QLDN	566	554	2.2%	1,750	1,615	8.4%
LN thuần từ HĐKD	1,134	959	18.2%	3,215	2,711	18.6%
Lợi nhuận khác	-1.92	-51.9	96.3%	13.1	-44.8	129%
LN trước thuế	1,132	907	24.8%	3,228	2,666	21.0%
Lợi nhuận sau thuế	905	717	26.2%	2,581	2,124	21.5%
LNST của CĐ cty mẹ	885	697	26.9%	2,533	2,083	21.6%

(Nguồn: fireant.vn)

